TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-ST
Ngày: 08-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 39 Nguyễn Thị Minh K, phường B , thành phố L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh A, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 1B/90, khu phố B, phường T, thành phố A, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền, (có mặt).

-*Bị đơn:* Bà Trương Lê Tường V, sinh năm 1985; thường trú: Số 10, đường D2, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số thửa 1818, Lô L13, đường D5, khu dân cư P, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Minh H, sinh năm 1986; thường trú: Số 10, đường D2, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số thửa 1818, Lô L13, đường D5, khu dân cư P, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương, (có mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Phan Thị Minh S, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 118/21/9 đường 1/5, Phường B, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Thanh A trình bày:

Thông qua giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên bà Nguyễn Thị Q có quen biết bà Trương Lê Tường V. Vào ngày 31/10/2019, bà Nguyễn Thị Q có cho bà Trương Lê Tường V vay số tiền 200.000.000 đồng để mua đất và có hứa sẽ trả lãi suất ngân hàng vào hàng tháng, thời hạn vay 06 tháng. Sau khi ký giấy vay tiền thì bà Q đã đưa đủ số tiền trên cho bà V. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán nhưng bà V không trả tiền nên tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bà V phải trả tổng cộng số tiền 228.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày 30/6/2021 là 20 tháng, lãi suất vay theo lãi suất ngân hàng là 0,7%/tháng là (200.000.000 đồng x 20 tháng) x 0,7% = 28.000.000 đồng. Thời điểm bà Qcho bà V vay tiền thì có sự chứng kiến của chồng bà V là ông Phan Minh H, tuy nhiên, ông H không ký giấy vay tiền nên bà Q xác định chỉ yêu cầu một mình bà V phải trả số tiền trên. Số tiền mà bà Q cho bà V vay là tài sản riêng của bà Q, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 giấy vay tiền đề ngày 31/10/2019.

Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Lê Tường V trình bày:

Giữa bà Trương Lê Tường V với bà Nguyễn Thị Q không có mối quan hệ họ hàng, quen biết gì. Do có nhu cầu mua đất để làm nhà vườn nghỉ dưỡng ở Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng nên bà V có vào các trang mua bán bất động sản để tìm mua thì thấy ông Ng có đăng trên trang web là có nhu cầu bán đất nên bà V có gọi điện để liên hệ thì được ông Ng giới thiệu là ông Ng có lô đất cần bán, đất tọa lạc tại hẻm 186, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Do bà V ở Bình Dương việc đi lại để xem đất rất khó khăn nên bà V có yêu cầu ông Ng quay phim lại cho bà V và ông H xem ranh giới khu đất. Vì tin tưởng ông Ng nên thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà V chỉ kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ khu đất chứ không tiến hành kiểm tra và đo đạc trên thực địa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Q và ông Lê Đình N, nhưng bà Q, ông N và ông Ng thống nhất với nhau là bà Q, ông N chỉ đứng tên dùm cho ông Ng, nên khi ký kết hợp đồng thì vợ chồng bà V, ông H ký với bà Q, ông N nhưng trả tiền thì trả cho ông Ng. Sau khi thỏa thuận bà V tiến hành ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 03 thửa đất số 1436, tờ bản đồ số 8, diện tích 308m^2; thửa đất số 777, tờ bản đồ số 8, diện tích 322m^2 và thửa đất số 465, tờ bản đồ số 11, diện tích 890m^2 với bà Nguyễn Thị Q và ông Lê Đình N. Sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng, vợ chồng bà V có lên sửa sang lại

hàng rào và căn nhà trên đất thì chủ củ của khu đất là bà Phan Thị Minh S có nói với bà V là trong khu đất đó còn 01 lô đất của , do bà Q, ông N chưa thanh toán đủ tiền nên bà S chưa sang tên. Sau đó, ông Ng có gọi điện thoại cho vợ chồng bà V để thông báo là trong khu đất bà V mua còn 01 lô đất của bà S, thời điểm ông Ng mua bà S không thông báo nên chính bản thân ông Ng cũng không biết. Một thời gian sau, ông Ng báo là chủ đất củ đòi thêm 600.000.000 đồng để chuyển nhượng luôn thửa đất còn lại trong khu đất mà vợ chồng bà V đã mua. Vợ chồng bà V không đồng ý nên bà Q có đưa ra ý kiến là ông Ng sẽ bỏ ra 150.000.000 đồng và vợ chồng bà V bỏ ra 450.000.000 đồng để bà S chuyển nhượng thửa đất còn lại cho vợ chồng bà V. Để sự việc êm xuôi nên vợ chồng bà V chấp nhận trả thêm số tiền 450.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng lô đất của bà S. Sau đó, vợ chồng bà V đưa cho bà Q 250.000.000 đồng tiền mặt, còn 200.000.000 đồng còn lại do thời điểm đó bà V chưa chuẩn bị đủ tiền nên bà Q có cho bà V vay 200.000.000 đồng và bà V viết giấy vay vào ngày 31/10/2019, hai bên thỏa thuận là tối đa trong vòng 06 tháng bà V trả tiền cho bà Q.

Sau khi thỏa thuận xong thì vào ngày 31/10/2019 vợ chồng bà V có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11 (G.159.III) với diện tích 529m^2 tọa lạc phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng với vợ chồng ông Huỳnh Văn Ngọc, bà Phan Thị Minh S và anh Huỳnh Ngọc Qu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2022 bà V khai, sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thì bà V có đưa số tiền 450.000.000 đồng cho một người tên Nguyễn Hoàng L là người đi chung với ông Ng và ông N để trả tiền cho phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà S. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng thì phần diện tích đất này đã sang tên cho vợ chồng bà V. Quá trình chuyển nhượng đã hoàn tất, tuy nhiên, bà V phát hiện thửa đất mà bà S chuyển nhượng cho bà V thì ông Ng chỉ còn nợ lại của bà S số tiền 450.000.000 đồng chứ không phải 600.000.000 đồng như ông Ng nói. Vì vậy, bà V không đồng ý thanh toán số tiền 200.000.000 đồng này cho bà Q. Hơn nữa, sau khi ký giấy vay tiền bà Q không đưa tiền cho bà V mà trực tiếp đưa tiền cho bà S.

Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh H trình bày:

Ông Phan Minh H là chồng của bà Trương Lê Tường V, ông H thống nhất với toàn bộ lời khai của bà V. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông H không đồng ý.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Trương Lê Tường V và ông Phan Minh H thống nhất khai số tiền 450.000.000 đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phan Thị Minh S là tiền của bà V và ông H bỏ ra. Giấy vay tiền bà V ký trước ngày ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà S 01 ngày. Đối với giấy vay tiền đề ngày 31/10/2019, bà V ghi số tiền vay là 200.000.000 đồng, mục đích vay 200.000.000 đồng này là để sử dụng 150.000.000 đồng trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn 50.000.000 đồng để sửa sang lại các tài sản trên đất. Đến ngày công chứng hợp đồng chuyển nhượng với bà S thì phát

hiện thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11 (G.159.III) với diện tích 529m^2 tọa lạc phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng chỉ có giá 450.000.000 đồng nên bà V không nhận tiền vay của bà Qvì vậy bà V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Lời khai trong quá trình tố tụng người làm chứng bà Phan Thị Minh S trình bày:

Bà Phan Thị Minh S là hàng xóm của bà Nguyễn Thị Q, bà S không biết ông Ng và bà Trương Lê Tường V là ai. Tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11 (G.159.III) tọa lạc phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thì bà S không biết giữa ông Phan Minh H, bà Trương Lê Tường V với bà Nguyễn Thị Q có vay mượn tiền gì của nhau hay không. Vì bà S chuyển nhượng đất cho bà Q, ông N, tuy nhiên do bà Q, ông N bán sang tay cho ông H và bà V nên bà S ký hợp đồng chuyển nhượng trực tiếp cho ông H, bà V chứ trước đó bà S không biết ông H và bà V là ai. Bà S cũng không gặp ông H và bà V lần nào vì khi ký hợp đồng công chứng bà S ký trước, ông H, bà V ký sau. Bà S nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất trực tiếp từ ông N, bà Q chứ không có khoản tiền nào liên quan tới ông H, bà V. Giao dịch chuyển nhượng thửa đất trên đã hoàn thành, giá trị giao dịch cụ thể bà S không nhớ vì bà S mua bán nhiều mảnh đất khác nhau.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người làm chứng là đúng quy định. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Lê Tường V thanh toán số tiền nợ theo giấy vay tiền đề ngày 31/10/2019. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người làm chứng bà Phan Thị Minh S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[1.3] Bị đơn bà Trương Lê Tường V có hộ khẩu thường trú tại Số 10, đường D2, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có ý kiến đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An giải quyết vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về yêu cầu triệu tập người làm chứng: Quá trình tố tụng, bị đơn bà Trương Lê Tường V có yêu cầu triệu tập ông Ng tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp họ tên, năm sinh và địa chỉ cụ thể của ông Ng và nội dung yêu cầu ông Ng làm chứng. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp, tại phiên tòa bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập ai tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nên Tòa án không triệu tập ông Ng tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng trong vụ án.

[1.5] Đối với số tiền 200.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Q cho bà Trương Lê Tường V vay. Bà Q xác định là tài sản riêng của bà Q. Ông Lê Đình N là chồng của bà Q có bản cảm kết số tiền này là tài sản riêng của bà Q, vì vậy Tòa án không triệu tập ông Lê Đình N tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.6] Về đối chất: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q làm đơn từ chối đối chất, vì vậy Tòa án không tiến hành thủ tục đối chất giữa nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn xác định đã cho bà Trương Lê Tường V vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); chứng minh qua Giấy vay tiền lập ngày 31/10/2019 do bà V viết và có chữ ký của bà Trương Lê Tường V. Nội dung giấy vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất ngân hàng bà V trả vào cuối tháng, bà V thế chấp 01 sổ hộ khẩu, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày ký giấy vay tiền. Quá trình vay tiền bị đơn chưa trả tiền nợ gốc và nợ lãi. Bị đơn bà Trương Lê Tường V thừa nhận giấy vay tiền đề ngày 31/10/2019 là do bà V tự viết và ký, ghi rõ họ tên. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Minh H thừa nhận giữa bà V, ông H và bà Q có giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên có quen biết với nhau. Thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Q và ông Lê Đình N do tin tưởng nên không đo đạc và kiểm tra thực địa vì vậy mới không phát hiện giữa khu đất mà bà V nhận chuyển nhượng của bà Q và ông N có 01 thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11 (G.159.III) của bà Phan Thị Minh S. Vì vậy, bị đơn thừa nhận để giải quyết vấn đề phát sinh nên bà V đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất của bà S với giá 600.000.000 đồng, trong đó bà V và ông H chịu 450.000.000 đồng, phía ông Ng chịu 150.000.000 đồng. Do không đủ tiền nên bà V có viết giấy nhận mượn nợ bà Qsố tiền 200.000.000 đồng. Đây là sự thừa nhận của đương sự nên là tình tiết không cần phải chứng minh. Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 12/01/2022 bà V khai, sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thì bà V có đưa số tiền 450.000.000 đồng cho một người tên Nguyễn Hoàng L là người đi chung với ông Ng và ông N để trả tiền cho phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà S. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng thì phần diện tích đất này đã sang tên cho vợ chồng bà V. Lời khai này phù hợp với lời khai của người làm chứng là bà Phan Thị Minh S. Bà S trình bày giữa bà S với vợ chồng bà V và ông H không quen biết và chưa gặp mặt lần nào. Thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng

thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11 (G.159.III) tọa lạc phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thì bà S ký trước, ông H, bà V ký sau. Bà S nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất trực tiếp từ ông N, bà Q chứ không có khoản tiền nào liên quan tới ông H, bà V. Giao dịch chuyển nhượng thửa đất trên đã hoàn thành, giá trị giao dịch cụ thể bà S không nhớ vì bà S mua bán nhiều mảnh đất khác nhau.

Tại buổi hòa giải ngày 05/5/2022 và lời khai tại phiên tòa bà V khai, thời điểm ký giấy vay tiền với bà Q là ký trước ngày ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà S 01 ngày. Tại thời điểm ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà V phát hiện giá trị thửa đất chỉ có 450.000.000 đồng nên bà V không vay tiền của bà Q nữa. Lời khai này của bà V không phù hợp với nội dung Giấy vay tiền đề ngày 31/10/2019 mà bà V đã viết nhận nợ của bà Q. Giấy vay tiền đề ngày 31/10/2019 ký cùng ngày với ngày ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà S, không phải là ký trước thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 01 ngày. Việc bà V ký vào giấy vay tiền này cũng phù hợp với thỏa thuận giữa bà V với bà Q về việc vay tiền để thực hiện việc nhận chuyển nhượng thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11 (G.159.III) tọa lạc phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng của bà Phan Thị Minh S. Đồng thời giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V với bà S đối với thửa đất trên đã hoàn tất.

Như vậy căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 31/10/2019 có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và nợ gốc khi đến hạn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán lãi đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng, thấy rằng: Tại giấy vay tiền đề ngày 31/10/2019 bà V cam kết sẽ trả lãi theo lãi suất Ngân hàng vào cuối tháng và sẽ thanh toán tối đa trong vòng 6 tháng. Như vậy đây là giao dịch cho vay có thời hạn và có lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất. Giao dịch này các bên xác lập tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. *Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"*. Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu lãi suất 0,7%/tháng (tương đương 8,4%/năm) là thấp hơn mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 có lợi cho bị đơn nên chấp nhận; nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 31/10/2019 đến ngày 30/6/2021 là 20 tháng, lãi suất được tính là: (200.000.000 đồng x 20 tháng) x 0.7%/tháng = 28.000.000 đồng. Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận. Như vậy buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

[2.3] Thời điểm bà Trương Lê Tường V ký giấy vay tiền là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Trương Lê Tường V và ông Phan Minh H. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày chỉ cho một mình bà V vay nên chỉ khởi

kiện yêu cầu một mình bà Trương Lê Tường V phải trả số tiền gốc và lãi là 228.000.000 đồng. Đây là ý chí của nguyên đơn, nên chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc: 200.000.000 đồng; tiền lãi 28.000.000 đồng và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An.

[2.5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463,466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q.

Buộc bà Trương Lê Tường V phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng), bao gồm: Tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 28.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,7%/tháng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Lê Tường V phải chịu 11.400.000 đồng (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q 5.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003168 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng